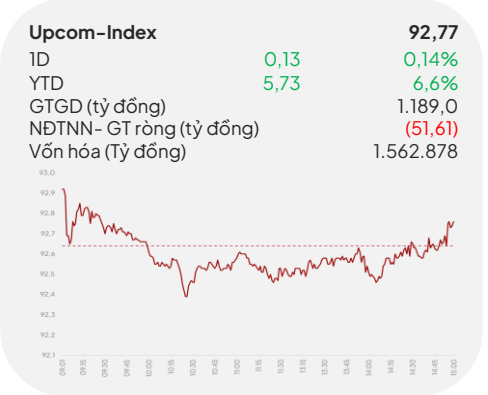
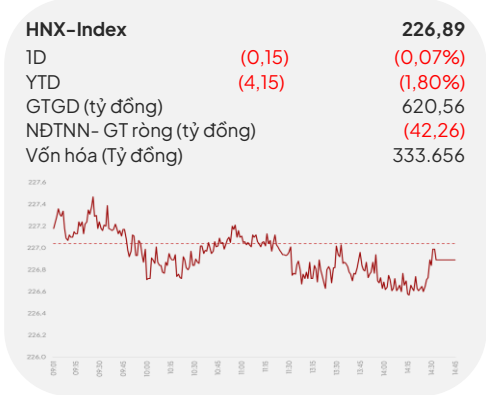
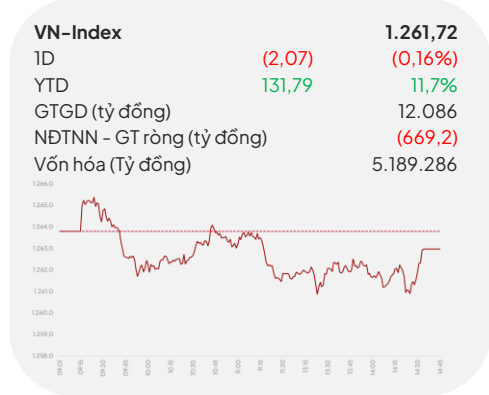


GIẢNG CO VÙNG 1.260



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Diễn biến thị trường: Kết phiên giao dịch, VN-Index giảm 2,07 điểm (-0,16%) về mức 1.261,72 điểm; HNX-Index giảm 0,15 điểm (-0,07%) về mức 226,89 điểm; Upcom tăng 0,13 điểm (+0,14%) lên mức 92,77 điểm. Thanh khoản VN-Index đạt 502,25 triệu cổ phiếu, tương đương 12,086 tỷ VND, giảm 6,8% so với phiên hôm trước và giảm 8,8% so với trung bình 5 phiên.

Khối ngoại tiếp tục bán ròng hơn 669 tỷ đồng trên HOSE. Lực bán ròng tập trung ở cổ phiếu FPT, MWG, NLG... Ở phía ngược lại, lực mua ròng tập trung ở các cổ phiếu SIP, VHM, HDB...

Chiến lược giao dịch: Thị trường tiếp tục có phiên điều chỉnh giằng co trong biên độ hẹp. Lực cầu có phần đi ngang và vẫn ở vùng thanh hoàn thấp. Ngoài ra, khối ngoại có phần tăng đà bán ròng mạnh khiến tâm lý thận trọng cho nhà đầu tư ngày càng tăng. Mặc dù cấu trúc xu hướng của nhóm vốn hóa lớn vẫn chưa chuyển biến tiêu cực trên diện rộng và xu hướng chủ đạo vẫn là xu hướng tăng, tuy nhiên vận động tăng trên thanh khoản thấp sẽ còn kéo dài giai đoạn đi ngang quanh vùng 1.260 điểm. Nhà Đầu tư ưu tiên quan sát phản ứng của thị trường trong các phiên tới

Về kỹ thuật, chỉ số VN-Index đánh mức mốc MA10 ngày. Chỉ báo MACD phát tín hiệu suy giảm cùng với thanh khoản suy yếu dưới mốc MA20 ngày

Top mã CP NN mua ròng (tỷ VND)

Mã CP	Giá trị	Giá	%Δ
SIP	35,32	84.500	-0,24
VHM	33,26	41.300	0,85
HDB	31,77	23.800	0,21
DXG	28,60	18.000	0,28
VIX	26,24	10.300	-0,48

Top mã CP NN bán ròng (tỷ VND)

Mã CP	Giá trị	Giá	%Δ
FPT	311,41	148.000	-1,27
MWG	80,23	60.300	-1,15
NLG	62,65	37.200	-0,80
HPG	56,53	27.000	0,00
VRE	50,56	17.150	-0,87

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VNINDEX



Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
Xu hướng ngày	-	Đi ngang
Xu hướng tuần	-	Tăng
Xu hướng tháng	-	Đi ngang
RSI 14	54,65	Mua
MFI	47,37	Mua
MA10	1.264,83	Quan sát
MA20	1.251,68	Mua
MA50	1.256,25	Mua
MA100	1.258,08	Mua

NHỊP ĐẬP THỊ TRƯỜNG

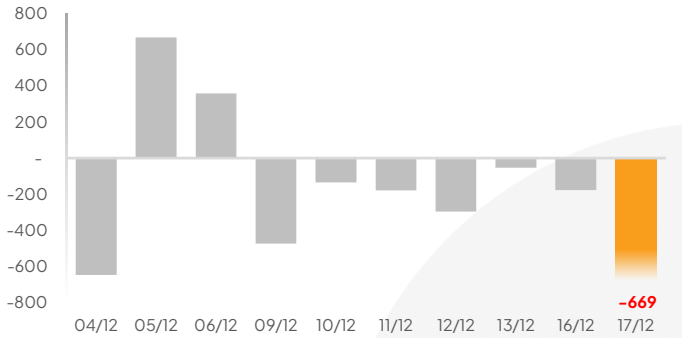
VN-Index giảm 2,07 điểm (-0,16%) về mức 1.261,72 điểm; HNX-Index giảm 0,15 điểm (-0,07%) về mức 226,89 điểm; Upcom tăng 0,13 điểm (+0,14%) lên mức 92,77 điểm.

Thanh khoản VN-Index hôm nay đạt 502,25 triệu cổ phiếu, tương đương 12,086 tỷ VND, giảm 6,8% so với phiên hôm trước và giảm 8,8% so với trung bình 5 phiên.

Về mức độ ảnh hưởng, FPT (-1,27); MWG (-1,15%); VPB (-0,79%) là những mã có tác động tiêu cực nhất.

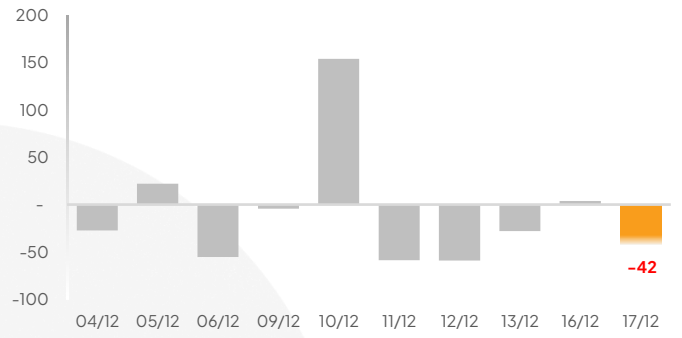
Khối ngoại bán ròng trên HOSE

Giá trị mua/bán ròng của Tổ chức nước ngoài VN-Index [tỷ VND]



Khối ngoại bán ròng trên HNX

Giá trị mua/bán ròng của Tổ chức nước ngoài HNX-Index [tỷ VND]

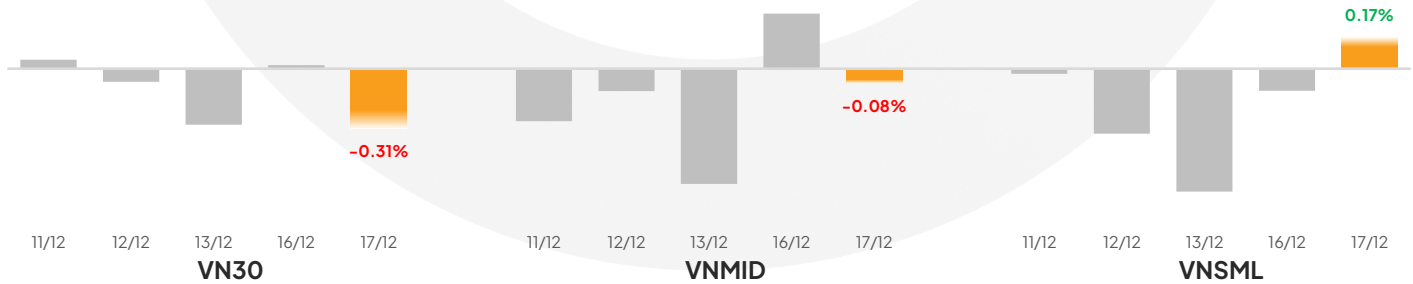


Khối ngoại ghi nhận bán ròng trên 669 tỷ đồng trong phiên hôm nay. Lực bán ròng tập trung khối lượng lớn ở cổ phiếu FPT, tiếp tục ở cổ phiếu HPG, theo sau là các cổ phiếu MWG, NLG, VRE, ... Ở chiều ngược lại, lực mua ròng tiếp tục tập trung ở cổ phiếu SIP, HDB, VIX, theo sau là cổ phiếu VHM, DXG, ...

Thị trường chịu áp lực trên diện rộng đưa chỉ số VN-Index giảm xuống mức 1.261,72 điểm. Thanh khoản tiếp tục suy yếu so với các phiên trước với lực cầu suy giảm tạo điều kiện cho lực bán dù không quá mạnh nhưng vẫn đủ tạo áp lực lên tâm lý chung của thị trường. Khối ngoại tiếp tục đẩy mạnh hoạt động bán ròng với khối lượng giao dịch lớn nhất trong 10 phiên tạo áp lực lên tâm lý chung, dẫn đến dòng tiền chọn đúng ngoài chờ tín hiệu tham gia tích cực. **Về kỹ thuật**, chỉ số VN-Index chịu áp lực khi tiến vào vùng 1.265 - 1.270 điểm nhưng vẫn thành công bảo vệ mốc 1.260 điểm. Chỉ báo MACD phát tín hiệu suy giảm cùng với thanh khoản suy yếu dưới mốc MA20 ngày. Chúng tôi cho rằng thị trường sẽ kiểm nghiệm vùng hỗ trợ 1.255 - 1.260 điểm trước khi xác định hướng mới. Nhà Đầu tư tiếp tục ưu tiên quan sát phản ứng của thị trường trong các phiên tới, có thể hạ tỉ trọng trong trường hợp chỉ số giảm xuống dưới vùng 1.255 - 1.260 điểm để bảo vệ thành quả hoặc tiếp tục giải ngân từng phần trong trường hợp đà tăng tiếp tục được duy trì với thanh khoản ở mức ổn định.

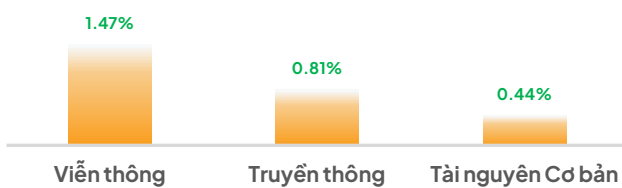
Nhóm cổ phiếu vốn hóa nhỏ của chỉ số VN-Index ghi nhận tăng nhẹ.

% Thay đổi 1 ngày của các nhóm chỉ số (%)



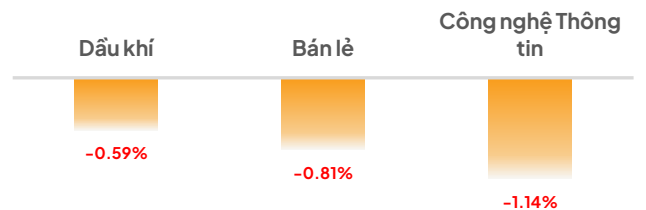
Ngành Viễn thông tăng mạnh...

Top 3 ngành diễn biến tích cực nhất (%)



Ngành Công nghệ Thông tin giảm mạnh

Top 3 ngành tác động ít tích cực nhất (%)



Ngành Viễn thông là ngành có tác động tích cực nhất trong phiên hôm nay, ghi nhận tăng tương đối xa những ngành khác nhưng không ghi nhận được cổ phiếu nào tác động lớn lên chỉ số VN-Index. Theo sau là Ngành Truyền thông và Ngành Tài nguyên lọt top tích cực không ghi nhận nhiều được cổ phiếu tích cực. Ngành Bất động sản ghi nhận tăng nhẹ dẫn dắt bởi cổ phiếu VHM (+0,35 điểm), là cổ phiếu tác động tích cực nhất lên chỉ số VN-Index. Ở chiều ngược lại, Ngành Công nghệ Thông tin là ngành ít tích cực nhất phiên hôm nay chịu áp lực bởi cổ phiếu FPT (-0,67 điểm), là cổ phiếu ít tác động tiêu cực nhất lên chỉ số VN-Index phiên hôm nay. Theo sau là Ngành Bán lẻ chịu áp lực bởi cổ phiếu MWG (-0,25 điểm). Ngành Dầu khí lọt top ít tích cực chịu áp lực bởi cổ phiếu nhưng không ghi nhận được cổ phiếu tác động lớn lên chỉ số VN-Index.

THÔNG TIN VĨ MÔ, THỊ TRƯỜNG & DOANH NGHIỆP

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Ngân hàng Nhà nước tiếp tục giảm mật bằng lãi suất cho vay, kiểm soát chặt lãi suất huy động, xử lý nghiêm tổ chức tín dụng cạnh tranh lãi suất không lành mạnh.

Tại Công điện số 135 ngày 16/12, Thủ tướng Phạm Minh Chính Chính yêu cầu Ngân hàng Nhà nước tiếp tục theo dõi việc chính sách tài chính, tiền tệ của các nền kinh tế lớn để có phản ứng kịp thời. Cơ quan này cũng được giao có giải pháp điều hành lãi suất, tỷ giá, tăng trưởng tín dụng, giảm mật bằng lãi suất cho vay.

Ngành ngân hàng cần kiểm soát chặt lãi suất huy động của các ngân hàng thương mại. Việc này nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho nền kinh tế trong dịp cuối năm, Tết Nguyên đán Ất Tỵ, và đầu 2025 “không để ách tắc, chậm trễ, không đúng thời điểm, không đúng địa chỉ, tạo cơ chế xin cho, tiêu cực trong việc cấp tín dụng của hệ thống các tổ chức tín dụng”. Đặc biệt kiên quyết xử lý nghiêm theo thẩm quyền và quy định pháp luật các tổ chức tín dụng cạnh tranh lãi suất không lành mạnh, không đúng quy định (bao gồm cả lãi suất huy động và lãi suất cho vay).

Theo thống kê của VnBusiness, đã có tới 11 ngân hàng tăng lãi suất huy động từ đầu tháng 12 gồm: CB, Dong A Bank, VPBank, VIB, OCB, MSB, GPBank, TPBank, ABBank, và IVB. Trong đó, ABBank là ngân hàng đầu tiên tăng lãi suất hai lần trong tháng. Ở kỳ hạn dài có 13 ngân hàng niêm yết lãi suất huy động từ 6%/năm trở lên, gồm: CB, ABBank, BaoViet Bank, BVBank, Dong A Bank, GPBank, HDBank, IVB, MSB, OceanBank, Saigonbank, SHB, và Viet A Bank.

Trong khi đó, lãi suất tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng trở xuống vẫn do ngân hàng ấn định trên cơ sở cung - cầu vốn thị trường, hiện ở mức 4,75%/năm. Tuy nhiên, trong thời gian gần đây, nhiều nhà băng tăng mạnh kỳ hạn dưới 6 tháng lên mức từ 4%/năm trở lên. Điển hình, với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng, có tới 18 ngân hàng đang duy trì mức lãi suất từ 4%/năm như: VPBank, Ocenbank, CB, NCB, ABBank... Đáng chú ý, 2 ngân hàng niêm yết lãi suất tiền gửi cao nhất cho các kỳ hạn này là Nam A Bank và Eximbank, với lãi suất lên tới 4,7%/năm, áp sát mức lãi suất trần 4,75%/năm theo quy định.

Lãi suất tiết kiệm tăng vào cuối năm 2024, phản ánh nhu cầu vốn cao của các ngân hàng để hỗ trợ sản xuất và tiêu dùng. Tính đến ngày 13/12, tín dụng toàn nền kinh tế tăng khoảng 12,5% so với cuối năm 2023. Dù lãi suất tăng, Ngân hàng Nhà nước vẫn kiên định với chính sách kiểm soát mật bằng lãi suất để bảo đảm ổn định thị trường tài chính.

Thông tin Doanh nghiệp

IDC: HĐQT Tổng Công ty Idico- CTCP đã thông qua Quyết định số 39/QĐ-TCT về việc góp vốn thành lập Công ty CP Idico Ninh Bình và cử người đại diện theo ủy quyền. Cụ thể, Idico góp vốn với tư cách cổ đông sáng lập thành lập Idico Ninh Bình với số tiền 526,5 tỷ đồng, tương ứng 75% vốn điều lệ công ty con này. Về tình hình kinh doanh, theo BCTC quý III/2024, Idico ghi nhận lãi ròng trong kỳ hơn 574 tỷ đồng, gấp hơn 3 lần cùng kỳ năm trước. Theo giải trình của doanh nghiệp, lợi nhuận sau thuế tăng là do tăng doanh thu từ các hợp đồng cho thuê hạ tầng KCN đáp ứng điều kiện ghi nhận doanh thu một lần khiến lợi nhuận tăng.

MBB: Ngày 16/12, Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBBank) và CTCP Kinh doanh F88 đã chính thức ký kết hợp tác cung cấp giải pháp tài chính toàn diện. Theo đó, tại buổi ký kết, đại diện MBBank cho biết khách hàng có thể thực hiện cập nhật thông tin Căn cước công dân (CCCD) tại hơn 850 điểm giao dịch của F88 trên toàn quốc. MBBank cũng cho biết, trong thời gian tới, MB và F88 sẽ tiếp tục triển khai và đưa đến nhiều giải pháp tài chính toàn diện với những trải nghiệm tiết kiệm thời gian và dễ tiếp cận hơn tới đông đảo khách hàng như: Hỗ trợ khách hàng nộp/rút tiền mặt tại bên giao đại lý, thanh toán dư nợ thẻ tín dụng, chuyển tiền, thực hiện dịch vụ thanh toán lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thu hộ, chi hộ,...

2/12 **Việt Nam – Công bố PMI sản xuất**
Thực tế: 51,2, Kỳ trước: 50,8

Mỹ – Công bố PMI sản xuất
Thực tế: 48,4, Kỳ trước: 46,5

Trung Quốc – Công bố PMI sản xuất
Thực tế: 50,1, Kỳ trước: 50,3

6/12 **Cơ cấu danh mục ETF Fubon FTSE VN**

Mỹ – Công bố số liệu tỷ lệ thất nghiệp T11 2024
Thực tế: 4,2%, Kỳ trước: 4,1%

9/12 **Trung Quốc – Công bố CPI**
Thực tế: 0,2%, Kỳ trước: 0,3%

11/12 **Mỹ – Công bố CPI**
Thực tế: 2,7%, Kỳ trước: 2,6%

16/12 **Trung Quốc – Họp PBC**

17/12 **Mỹ – Họp FED**

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+ / -
-----	-------------	--------	----------	----------	---------	--------------	------------	----------	---------	-------

Danh mục theo dõi

1	MSB	Theo dõi	11,2-11,5			13.000	10.850			
2	GVR	Theo dõi	31-31,6			36.500	30.000			
3	IDC	Theo dõi	55,6-56,5			64.500	53.100			

Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua

1	DGC	Nắm giữ	106-108	06/11/2024	107.400	124.000	103.000			8,0%
2	MSN	Nắm giữ	70,4-71,5	11/11/2024	71.300	79.000	67.400			-0,4%
3	PDR	Nắm giữ	20,6-21,0	20/11/2024	19.900	24.000	19.800			7,0%
4	VHC	Nắm giữ	72,6-73,4	21/11/2024	70.500	82.500	69.400			3,1%
5	CTG	Nắm giữ	33,2-33,7	21/11/2024	33.600	36.800	31.900			7,9%
6	VCG	Nắm giữ	16,8-17,2	25/11/2024	17.500	19.300	16.100			0,3%
7	HPG	Nắm giữ	25,6-26,0	25/11/2024	26.000	29.600	24.500			3,8%
8	VNM	Nắm giữ	63,3-64,0	26/11/2024	64.400	72.200	60.500			0,3%
9	KBC	Nắm giữ	27,1-27,6	27/11/2024	27.500	31.500	26.000			2,5%
10	TNG	Nắm giữ	24,7-25,0	02/12/2024	24.900	28.500	23.700			2,8%
11	CTD	Nắm giữ	65,8-67,0	03/12/2024	66.500	76.000	63.100			0,9%
12	PNJ	Nắm giữ	92,8-93,5	04/12/2024	93.500	108.000	88.600			4,6%
13	NTP	Nắm giữ	60,3-62,6	05/12/2024	62.700	72.000	58.400			3,5%
14	PAN	Nắm giữ	22,2-22,8	10/12/2024	22.450	25.800	21.400			2,0%
15	DRC	Nắm giữ	28,1-28,7	11/12/2024	28.600	32.500	27.000			3,5%
16	BFC	Nắm giữ	38-38,8	16/12/2024	38.000	45.500	36.500			0,0%
17	DBC	Theo dõi	26,6-27,0	17/12/2024	26.800	30.500	25.500			1,5%
18	REE	Theo dõi	65,0-66,3	17/12/2024	66.000	73.000	62.300			0,8%

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+ / -
1	FPT	Chốt lời	118,0-124,0	06/8/24	120.000	149.000	113.000	18/10/24	137.700	14,2%
2	PAN	Chốt lời	23,4-23,6	04/10/2024	23.000	26.000	22.300	18/10/24	24.400	6,5%
3	CTD	Chốt lời	63,2-64,2	21/10/2024	63.400	70.000	60.600	24/10/24	67.800	6,9%
4	IDC	Chốt lời	55-55,7	23/10/2024	53.800	63.800	52.650	05/11/24	55.700	3,5%
5	HAH	Chốt lời	41,2-42	28/10/2024	42.000	46.800	39.500	08/11/24	46.500	10,7%
6	MWG	Chốt lời	63,1-63,7	16/10/2024	64.300	69.300	60.300	11/11/24	65.000	1,09%
7	VGI	Chốt lời	69,0-72,0	06/10/2024	72.000	82.700	67.000	11/11/24	89.500	24,3%
8	TCB	Cắt lỗ	24,2-24,6	17/10/2024	24.100	26.600	23.200	12/11/24	23.400	-2,9%
9	SZC	Chốt lời	37,6-38,3	23/10/2024	38.100	42.500	36.400	12/11/24	42.700	12,1%
10	HDG	Chốt lời	26,0-27,0	06/11/2024	27.550	31.000	25.200	12/11/24	28.600	3,8%
11	VCI	Chốt lời	35-35,5	31/10/2024	34.300	41.200	33.500	14/11/24	34.700	1,2%
12	DBC	Chốt lời	27,4-28	31/10/2024	27.700	32.000	26.300	14/11/24	28.000	1,1%
13	NKG	Cắt lỗ	20,8-21,2	08/11/2024	21.050	24.000	19.900	14/11/24	20.000	-1,2%
14	DRI	Chốt lời	11,8-12,0	21/11/2024	11.800	13.800	11.200	26/11/24	12.800	8,5%
15	DPM	Chốt lời	34,3-34,7	11/11/2024	33.400	37.400	32.800	27/11/24	36.600	9,6%
16	POW	Chốt lời	11,2-11,5	21/11/2024	11.300	13.000	11.000	04/12/24	12.650	11,9%
17	QNS	Chốt lời	48,6-49,0	18/11/2024	49.000	55.000	46.400	06/12/24	51.300	4,7%
18	CMG	Chốt lời	52,8-54	28/11/2024	53.800	63.800	50.700	09/12/24	58.500	8,7%
19	LPB	Chốt lời	31,2-31,7	25/10/2024	31.700	35.000	29.850	10/12/24	34.400	8,5%
20	VOS	Chốt lời	14,1-14,8	25/11/2024	14.800	17.000	13.800	10/12/24	16.300	10,1%
21	PLX	Cắt lỗ	39,2-40	03/12/2024	39.500	45.000	37.800	13/12/24	39.400	-0,3%

Email: research@lpbs.com.vn

Website: [Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán LPBank \(lpbs.com.vn\)](http://Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán LPBank (lpbs.com.vn))

Mở tài khoản LPBS tại:



Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê tại báo cáo này được LPBS lập dựa trên nguồn thông tin chính thống và đáng tin cậy tại thời điểm LPBS phát hành báo cáo. Báo cáo được lập với mục đích cung cấp thông tin khái quát về thị trường, dự báo và cảnh báo được sử dụng làm thông tin tham khảo trong nội bộ LPBS và thông tin tham khảo cho nhà đầu tư.

Các ý kiến tại báo cáo được đưa ra sau khi đã được cẩn thận xem xét kỹ càng dựa trên những thông tin mà cá nhân chúng tôi đánh giá là tốt nhất tại thời điểm thu nhập được. Báo cáo này có giá trị tham khảo và không nên được giải như một lời đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. LPBS được miễn trừ trách nhiệm đối với thiệt hại hoặc sự kiện bị coi là thiệt hại do sử dụng nội dung trong báo cáo này.

Bản quyền báo cáo thuộc về LPBS, mọi hành vi trích dẫn, sao chép, sửa đổi, phát hành báo cáo là vi phạm bản quyền nếu chưa được sự đồng ý bằng văn bản của LPBS.